

THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ, TÀI CHÍNH VÀ MỘT SỐ TỒN TẠI TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỂ THAO Ở VIỆT NAM

ThS. Nguyễn Thị Hà¹

Tóm tắt: Thông qua nghiên cứu các tài liệu liên quan, bài báo chỉ ra một số tồn tại trong đầu tư, tài chính cho thể thao ở Việt Nam về vốn đầu tư, khai thác và mạng lưới công trình thể thao. Những vấn đề này có ảnh hưởng đến phát triển kinh tế thể thao ở Việt Nam như: tư duy, nhận thức, quy mô thị trường, hệ thống chính sách, pháp luật, cơ cấu tổ chức và nguồn nhân lực.

Từ khóa: tồn tại, đầu tư, tài chính, phát triển, kinh tế thể thao.

Abstract: Through the study of related documents, the article points out some shortcomings in investment and finance for sports in Vietnam in terms of investment capital, exploitation and sports facilities network. These issues have an impact on the development of sports economy in Vietnam such as: thinking, awareness, market size, policy system, law, organizational structure and human resources.

Keywords: survival, investment, finance, development, sports economics.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Như vậy, hoạt động thể dục thể thao không chỉ tăng cường sức khỏe cho người tham gia tập luyện mà còn tạo ra các giá trị kinh tế, đóng góp vào tăng trưởng GDP. Hiện nay, nhiều nước trên thế giới vấn đề kinh doanh thể thao góp phần phát triển kinh tế xã hội là một thực tế khách quan và đạt đến quy mô công nghiệp. Kinh doanh thể thao là một trong những ngành phát triển với tốc độ nhanh và khá ổn định trên thị trường thế giới, ngay cả trong các thời kỳ có biến động kinh tế. Thực tiễn phát triển kinh tế thể thao của các nước cho thấy, để có thể tăng doanh thu, quy mô và cơ cấu thị trường của nền kinh tế thể thao. Tuy nhiên, ở nước ta hoạt động kinh tế thể thao tuy còn khá mới mẻ. Do vậy, đánh giá thực trạng và những tồn tại về vốn đầu tư, khai thác và mạng lưới công trình thể thao... để từ đó có những cơ chế chính sách khuyến khích phát triển kinh tế thể thao ở Việt Nam là hết sức cần thiết.

Phương pháp nghiên cứu: Quá trình nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu, phương pháp phỏng vấn và phương pháp toán học thống kê.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Thực trạng đầu tư, tài chính cho thể thao Việt Nam

NSNN phân bổ cho TDTT Việt Nam giai đoạn 2011-2020 được trình bày ở bảng 1 đến bảng 3. Như vậy, trong giai đoạn 2011-2020, tổng chi NSNN cho lĩnh vực thể dục thể thao là 56.731 tỷ đồng (trong đó: chi thường xuyên 35.926 tỷ đồng; chi đầu tư 20.805 tỷ đồng), chiếm tỷ lệ 0,46% so với tổng chi ngân sách nhà nước (NSNN).

Nhóm chi cho con người chiếm 74%; chi cho nghiệp vụ chuyên môn, tập huấn, thi đấu chiếm 19%; chi cho công tác cải tạo, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị chiếm 7% trên tổng số chi.

Với nguồn chi cho đầu tư phát triển, Bộ Văn

Bảng 1. Chi NSNN cho thể dục thể thao (Đơn vị tính: tỷ đồng)

STT	Nội dung	Giai đoạn 2011-2020
I	Tổng chi NSNN	12.327.780
II	Tổng chi NSNN cho lĩnh vực TDTT	56.731
II.1	Chi thường xuyên	35.926
II.1.1	Chi NSTW	7.321
II.1.2	Chi NSĐP	28.605
II.2	Chi cho đầu tư phát triển	20.805
II.2.1	Chi NSTW	1.027
II.2.2	Chi NSĐP	19.823
III	Tỷ lệ chi cho TDTT/Tổng chi NSNN (%)	0,46

(Nguồn: Bộ Tài chính)

Bảng 2. Nguồn kinh phí chi cho sự nghiệp TDTT (Đơn vị tính: triệu đồng)

TT	Nội dung chi sự nghiệp	2008-2012		2013-2015		2016-2018		Tổng 3 giai đoạn	
		Số chi (tr đồng)	Tỷ lệ (%)	Số chi (tr đồng)	Tỷ lệ (%)	Số chi (tr đồng)	Tỷ lệ (%)	Số chi (tr đồng)	Tỷ lệ (%)
	Tổng số	1.514.460	100	1.679.694	100	1.799.095	100	4.993.249	100
1	Chi lương	70.525	5	60.631	4	70.921	4	202.077	4
2	Chi quản lý hành chính	235.766	16	186.663	11	180.344	10	602.773	12
3	Chi tiền ăn vận động viên	235.346	16	296.040	18	302.746	17	834.132	17
4	Chi tiền công vận động viên	156.984	10	200.380	12	206.190	11	563.554	11
5	Chi thuê chuyên gia	66.974	4	59.000	4	85.785	5	211.759	4
6	Chi tiền thưởng	148.511	10	164.500	10	198.338	11	511.349	10
7	Chi tập huấn, thi đấu nước ngoài	246.231	16	264.880	16	273.108	15	784.219	16
8	Chi nghiệp vụ chuyên môn	261.065	17	352.700	21	343.491	19	957.256	19
9	Chi cải tạo, sửa chữa, mua sắm	93.058	6	94.900	6	138.172	8	326.130	7

Bảng 3. Chi cho đầu tư phát triển giai đoạn 2011 – 2018 (Đơn vị tính: Tỷ đồng)

TT	Năm	Kế hoạch vốn đề xuất	Kế hoạch vốn được cấp	Số giải ngân
1	2011	197	40	39
2	2012	379	61	61
3	2013	495	70	69
4	2014	191	37	37
5	2015	191	66	66
6	2016	294	73	72
7	2017	376	36	36
8	2018	40	39	39

(Nguồn: Tổng cục Thể dục Thể thao)

hóa, Thể thao và Du lịch giao nhiệm vụ quản lý chi đầu tư và phát triển vốn thể dục thể thao cho Vụ Kế hoạch, Tài chính thuộc Bộ quản lý. Tổng mức vốn đầu tư còn thấp, trong khi nhu cầu vốn đầu tư các công trình thể dục thể thao đòi hỏi tổng mức cao, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế.

Nguồn vốn khác: Mặc dù các đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng cục Thể dục thể thao (nay là Cục TDTT) đã có nhiều cố gắng khai thác cơ sở vật chất hiện có để tăng nguồn thu khác ngoài NSNN nhưng còn gặp nhiều khó khăn về cơ sở vật chất. Hàng năm các đơn vị thu được khoảng 5% so với tổng chi của NSNN.

Tình hình đầu tư, tài chính từ các nguồn xã hội hóa: Việc chuyển giao các câu lạc bộ thể thao từ phía cơ quan quản lý nhà nước sang hoạt động theo mô hình doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp tự chủ, tự hạch toán, câu lạc bộ thể thao do doanh nghiệp tài trợ tiếp tục có chuyển biến mạnh. Trong hoạt động tổ chức thi đấu, các cơ quan quản lý về thể dục thể thao, các Liên đoàn, Hiệp hội thể thao đã chú trọng làm tốt công tác vận động tài trợ, qua đó đã huy động được số lượng kinh phí rất lớn ngoài ngân sách

để tổ chức thành công tác sự kiện thể thao lớn.

2.2. Thực trạng cơ sở vật chất, kỹ thuật thể thao cho phát triển kinh tế thể thao

Từ kết quả bảng 4 cho thấy: Số lượng các công trình thể dục thể thao so với số dân đạt tỷ lệ dưới trung bình so với nhiều nước châu Á. Trung bình ở nước ta, một vạn dân sử dụng 3,204 công trình thể dục thể thao. Trong khi đó ở nhiều quốc gia châu Á, tỷ lệ này là 6,58.

Số lượng các công trình thể dục thể thao đủ tiêu chuẩn, kích thước để thi đấu theo quy định quốc tế (thi đấu trong nước, thi đấu quốc tế) còn rất ít, chiếm tỷ lệ rất thấp so với tổng số công trình thể dục thể thao (2%). Trong khi đó ở nhiều quốc gia châu Á, các công trình thể dục thể thao đúng tiêu chuẩn (kể cả thể thao giải trí) thường lớn gấp 1,8 lần số lượng công trình thể thao không đủ tiêu chuẩn. Như vậy, chất lượng các công trình thể dục thể thao ở nước ta còn rất thấp, hầu hết là ở cấp xã, phường, trường học, khu dân cư. Ở cấp tỉnh nhiều địa phương chưa có đủ 3 công trình cơ bản là: sân vận động, nhà thi đấu, bể bơi. Do vậy, công tác tiêu chuẩn hóa các

Bảng 4. Công trình TDTT trên phạm vi toàn quốc

1- Công trình thể dục thể thao đủ tiêu chuẩn thi đấu:	376
- Sân vận động có khán đài	122
- Nhà thi đấu có khán đài	118
- Bể bơi có khán đài	51
- Trường bắn thể thao	15
- Sân quần vợt có khán đài: 01 sân (CLB Lan Anh - TP Hồ Chí Minh)	
- Các sân thể thao riêng cho từng môn	69
2- Công trình thể dục thể thao tập luyện:	27.474
- Sân Bóng đá	9.423
- Sân vận động	87
- Sân Điền kinh	627
- Sân Quần vợt	2.061
- Sân Bóng chuyền	10.194
- Sân Bóng rổ	928
- Nhà tập luyện	3.107
- Bể Bơi	480
- Các loại sân tập khác	567
3- Tổng số công trình thể dục thể thao:	27.850
4- Số người dân sử dụng công trình:	

công trình thể dục thể thao dùng cho thi đấu, đặc biệt dùng cho thể dục thể thao giải trí, thể dục thể thao quần chúng là vấn đề cần sớm được giải quyết.

2.3. Một số hạn chế, tồn tại trong phát triển kinh tế thể thao

- Cần có tư duy đầy đủ hơn về phát triển kinh tế thể thao, môi trường pháp lý và những bất cập về chính sách, cơ chế quản lý kinh tế thể thao.

- Kinh phí hoạt động cho các hoạt động TDTT chủ yếu dựa vào NSNN, các nguồn hỗ trợ khác còn hạn chế. Quy mô thị trường thể thao còn chưa tương xứng và cần có sự khuyến khích, ưu đãi để có bước phá.

- Hệ thống chính sách, pháp luật cần được rà soát, điều chỉnh phù hợp để khuyến khích phát triển ngành kinh tế thể thao nói chung và thị trường thể thao nói riêng.

- Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ cho các cơ quan quản lý nhà nước, liên đoàn hiệp hội, doanh nghiệp, cơ sở thể thao... về kinh tế thể thao.

- Cần có chiến lược về nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế thể thao.

3. KẾT LUẬN

Mặc dù đã đạt được những thành tựu nhất định, song đầu tư, tài chính cho thể thao ở Việt Nam còn hạn chế: vốn đầu tư cho thể thao còn thấp, khai thác để tăng nguồn thu khác ngoài NSNN còn gặp nhiều khó khăn, mạng lưới công trình thể thao đáp ứng

nhu cầu của người dân còn thấp so với nhiều nước châu Á.

Nghiên cứu đã xác định được một số hạn chế, tồn tại trong phát triển kinh tế thể thao về: tư duy, nhận thức, quy mô thị trường, hệ thống chính sách, pháp luật, tổ chức thực hiện và chiến lược nguồn nhân lực để khuyến khích phát triển ngành kinh tế thể thao ở Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dương Nghiệp Chí, Lâm Quang Thành, Phạm Ngọc Viễn, Tạ Xuân Lai (2007), Tài sản TDTT kinh doanh và quản trị, Nxb TDTT, Hà Nội.

2. Nguyễn Hồng Sơn (2013), Sự can thiệp của Chính phủ vào TDTT nhìn từ góc độ Kinh tế học, Tạp chí khoa học Đào tạo và Huấn luyện thể thao, số 3, tr 7-10.

3. Brad R. Humphreys and Dennis R. Howard (2008), The Business of Sports, Volume 1-2: Economic Perspectives on Sport, Praeger Publishers, Printed in the United States of America.

Nguồn bài báo: Trích từ kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng “Nghiên cứu chính sách phát triển kinh tế thể thao ở một số nước trên thế giới”, Viện Khoa học TDTT, 2023.

Ngày nhận bài: 20/9/2024; Ngày duyệt đăng: 20/11/2024